

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức
2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp PT.B, xã PK, huyện CG, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VT, xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc D; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh D và chị H do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian

chung sống, do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Mặc dù cả hai đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành nên anh D và chị H không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay, cả hai cũng không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D yêu cầu ly hôn với chị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống có hai con chung tên Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 08/12/2009 và Nguyễn Thị Xuân Q, sinh ngày 17/01/2011, hiện nay hai con đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, anh D đồng ý giao hai con cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để anh D và chị H thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng chị H vắng mặt nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phía bị đơn là chị Nguyễn Thị Xuân H đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị H. Về con chung, anh D đồng ý giao hai con cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Chị H vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc D, cho anh D ly hôn với chị H; về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Thị Xuân Q cho chị Nguyễn Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh D mỗi tháng 1.000.000 đồng/con; tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Anh D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị Xuân H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (theo Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 49/KH do Ủy ban nhân dân xã VK, huyện TS cấp ngày 07/7/2008). Chị Nguyễn Thị Xuân H có hộ khẩu thường trú tại ấp VT, xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Xuân H đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị H vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Xét việc tranh chấp:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/7/2008 tại UBND xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo anh D trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do tính tình không hợp nên cả hai thường xuyên cãi vã, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành do đó cả hai đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian không sống chung cũng không ai quan tâm ai. Nay anh D nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với chị H.

Chị Nguyễn Thị Xuân H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến xem như chị từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H không thể hàn gắn vì đời sống chung của vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2018 đến nay, thời gian xa cách đã lâu nhưng cả hai cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

[4] *Về con chung:* Theo anh D trình bày anh và chị H có hai con chung tên Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 08/12/2009 và Nguyễn Thị Xuân Q, sinh ngày 17/01/2011, các con hiện nay sống ổn định với chị H. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con, hai con là 2.000.000 đồng mỗi tháng. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như sự ổn định về tâm lý cho các cháu nên cần giao các cháu Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Thị Xuân Q cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con, hai con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Theo trình bày của anh Nguyễn Ngọc D không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị Xuân H Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị H vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] *Về án phí:* Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí theo quy định. Chị Nguyễn Thị Xuân H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc D.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Ngọc D được ly hôn chị Nguyễn Thị Xuân H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 08/12/2009 và Nguyễn Thị Xuân Q, sinh ngày 17/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của Nguyễn Ngọc D đối với cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 08/12/2009 mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng và cháu Nguyễn Thị Xuân Q, sinh ngày 17/01/2011 mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng, cho đến khi cháu T và cháu Q đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Ngọc D và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Nguyễn Thị Xuân H đối với cháu Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Thị Xuân Q. Chị Nguyễn Thị Xuân H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Ngọc D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0001016 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Anh D còn phải nộp thêm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

Chị Nguyễn Thị Xuân H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49/KH do Ủy ban nhân dân xã VK cấp ngày 07/7/2008 cho anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị Xuân H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã VK (1)
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Linh